

HANOI UNIVERSITY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY

School of Information and Communications Technology

Software Requirement Specification

Version 1.1

AIMS SOFTWARE DESIGN AND CONSTRUCTION

Nguyễn Mạnh Phương 20204598

Hanoi, <10, 2023>

Mục lục

1	Giới thiệu	2
1.1	Mục tiêu	2
1.2	Phạm vi	2
1.3	Chú giải.....	2
1.4	Tài liệu	2
2	Yêu cầu tổng thể	3
2.1	Tác nhân.....	3
2.2	Usecase tổng quan	3
2.3	Biểu đồ Usecase cấp thấp	3
2.4	Quy trình nghiệp vụ	3
3	Yêu cầu chi tiết	6
3.1	Đặc tả Use case UC001 - “Pay Order”	6
3.2	Đặc tả Use case UC002 - “Place Rush Order”	8

1 Giới thiệu

1.1 Mục tiêu

Tài liệu này trình bày mô tả chi tiết về hệ thống con quản lý người dùng, nhóm người dùng và chức năng có thể sử dụng của họ trong thời gian chạy. Tài liệu này cũng mô tả các mục tiêu và tính năng của hệ thống, các giao diện và ràng buộc của hệ thống để đáp ứng với hành động bên ngoài.

Tài liệu này dành cho các bên liên quan và nhà phát triển phần mềm có liên quan.

1.2 Phạm vi

1.3 Chú giải

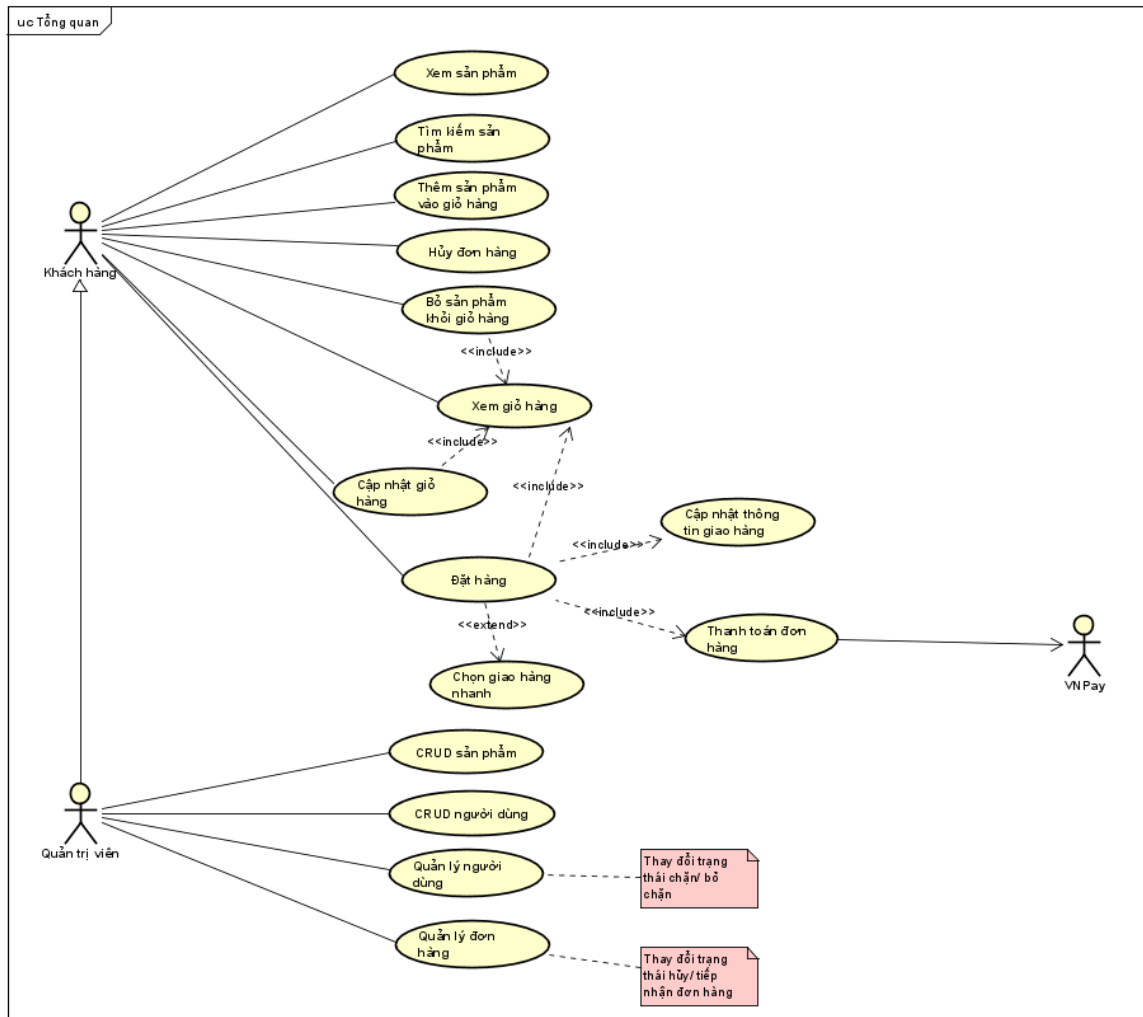
1.4 Tài liệu

2 Yêu cầu tổng thể

2.1 Tác nhân

Người mua, người quản trị, VNPay

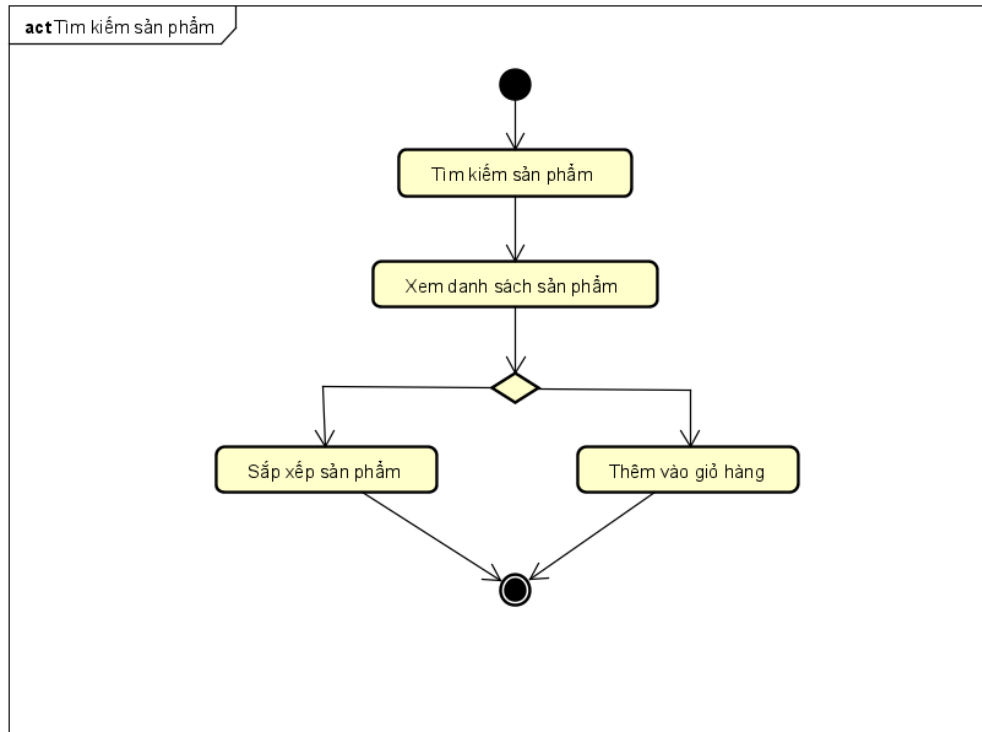
2.2 Usecase tổng quan



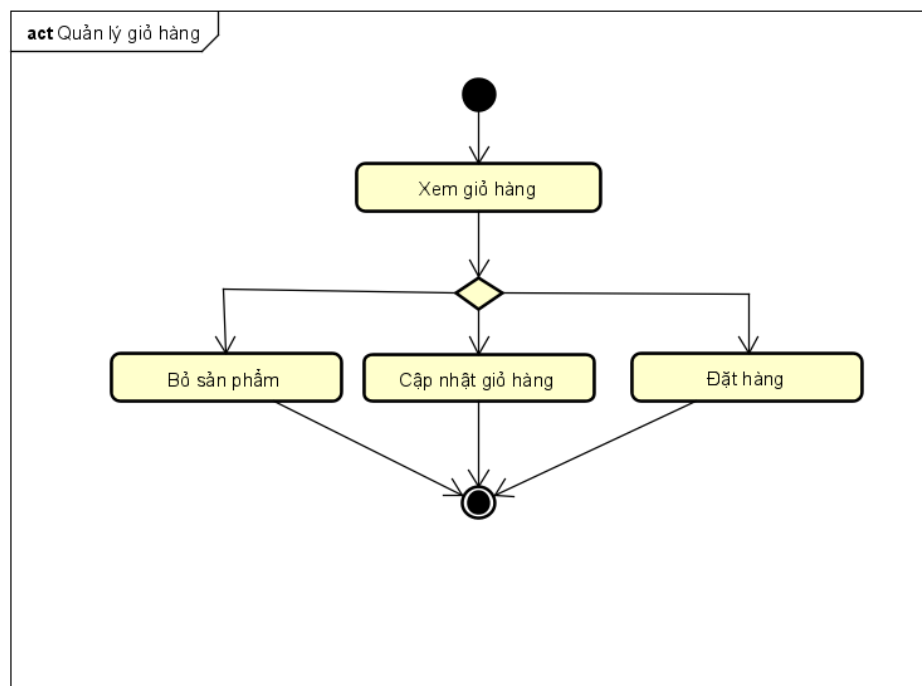
2.3 Biểu đồ Usecase cấp thấp

2.4 Quy trình nghiệp vụ

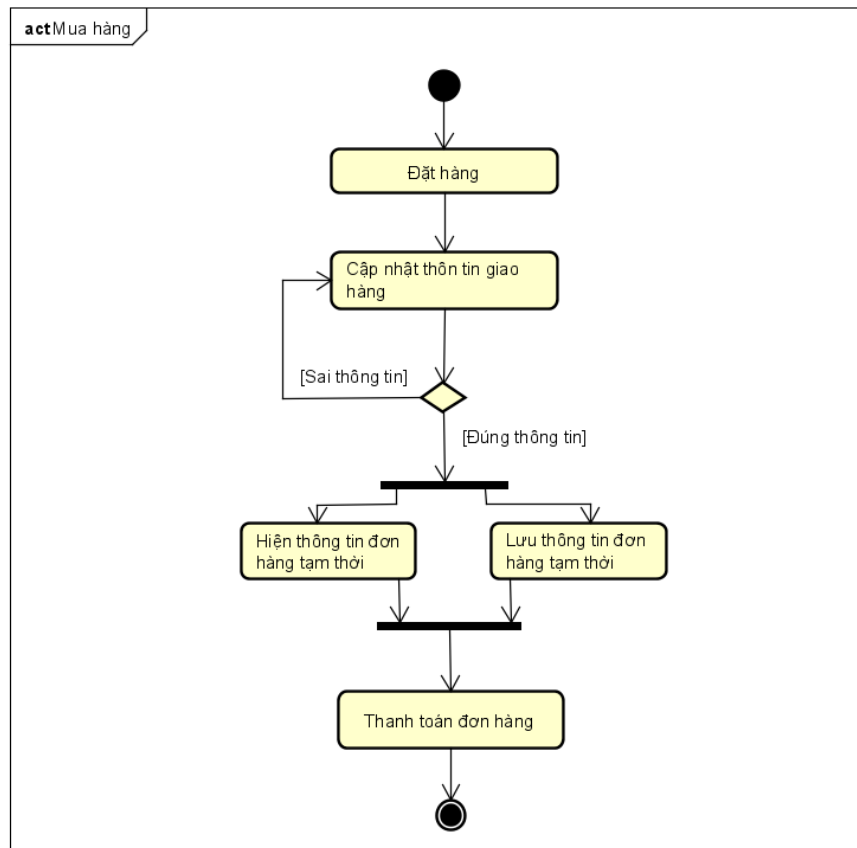
2.4.1. Tìm kiếm sản phẩm



2.4.2. Quản lý giỏ hàng



2.4.3. Mua hàng



3 Yêu cầu chi tiết

3.1 Đặc tả Use case UC001 - “Pay Order”

1. Mã Use case

UC001

2. Mô tả ngắn

Use case này mô tả các tương tác giữa phần mềm AIMS với khách hàng và VNPay khi khách hàng muốn thanh toán đơn hàng.

3. Actors

Người mua, VNPay

4. Tiền điều kiện

Phần mềm AIMS đã tính toán tổng số tiền mà khách hàng cần phải thanh toán.

5. Luồng sự kiện cơ bản

1. Phần mềm AIMS: hiển thị màn hình thanh toán.
2. Khách hàng: nhập thông tin thẻ tín dụng và xác nhận thanh toán đơn hàng.
3. Phần mềm AIMS: yêu cầu Ngân hàng Liên ngân xử lý giao dịch thanh toán.
4. Ngân hàng: Liên ngân xử lý giao dịch thanh toán.
5. Phần mềm AIMS: lưu trữ giao dịch thanh toán.
6. Phần mềm AIMS: hiển thị thông tin giao dịch.

6. Luồng sự kiện thay thế

Bảng 1-Các luồng sự kiện thay thế cho Usecase “Pay Order”

STT	Vị trí	Điều kiện	Hành động	Vị trí tiếp tục
1.	Tại bước 3	Nếu thông tin thẻ không hợp lệ	Phần mềm AIMS thông báo rằng thông tin thẻ không hợp lệ	Tại bước 1
2.	Tại bước 5	Nếu thông tin thẻ sai	Phần mềm AIMS thông báo rằng thông tin thẻ sai	Tại bước 1
3.	Tại bước 5	Nếu số dư không đủ	Phần mềm AIMS thông báo rằng số dư không đủ	Tại bước 1

7. Dữ liệu đầu vào

Bảng A-Dữ liệu đầu vào của form thanh toán

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	Tên chủ thẻ		Có	Tối đa 50 ký tự	NGUYEN MANH PHUONG
2.	Số thẻ		Có	16 chữ số	1234 5678 9123 4567
3.	Ngày hết hạn		Có	Chứa tháng và 2 chữ số cuối của năm	01/23
4.	Mã bảo mật		Có	Có 3 chữ số	123

8. Dữ liệu đầu ra

Bảng B-Dữ liệu đầu ra của form thanh toán

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Định dạng	Ví dụ
1.	ID giao dịch			
2.	Tên chủ thẻ			NGUYEN MANH PHUONG
3.	Số tiền		Đơn vị tiền Việt Nam (VNĐ), có dấu chấm phân biệt hàng nghìn	1.000.000 VNĐ
4.	Nội dung giao dịch		Text	Chuyển tiền đơn hàng mua quần áo
5.	Ngày giao dịch		dd/mm/yyyy	07/10/2023

9. Hậu điều kiện

Không có

3.2 Đặc tả Use case UC002 - “Place Rush Order”

1. Mã Use case

UC002

2. Mô tả ngắn

Khách hàng có thể chọn phương thức đặt hàng nhanh (rush order). Giao hàng nhanh cho phép khách hàng nhận hàng với thời gian hẹn trước trong vòng 2 tiếng. Hiện tại, chỉ những địa chỉ nhận hàng ở Hà Nội được hỗ trợ.

3. Actors

Người mua, VNPay

4. Tiền điều kiện

Người dùng đã truy cập vào hệ thống.

5. Luồng sự kiện cơ bản

1. Phần mềm AIMS: hiển thị màn hình chọn giao hàng nhanh.
2. Khách hàng: chọn giao hàng nhanh.
3. Phần mềm AIMS: lưu trữ thông tin.
4. Phần mềm AIMS: cập nhật thông tin vào đơn hàng.

6. Luồng sự kiện thay thế

Bảng 2-Các luồng sự kiện thay thế cho Usecase “Place Rush Order”

STT	Vị trí	Điều kiện	Hành động	Vị trí tiếp tục
1.	Tại bước 2	Nếu khách hàng không chọn giao hàng nhanh	Phần mềm AIMS không thực hiện trả về giao diện trước đó	Tại bước 1

7. Dữ liệu đầu vào

Bảng A-Dữ liệu đầu vào

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Bắt buộc	Điều kiện hợp lệ	Ví dụ
1.	IsRushOrder		Không		True

8. Dữ liệu đầu ra

Bảng B-Dữ liệu đầu ra

STT	Trường dữ liệu	Mô tả	Định dạng	Ví dụ
1.				

9. Hậu điều kiện

Không có